

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn và
nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính và bà Triệu Thị Tình

-Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST - DS, ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H sinh năm 1995 .

Trú tại: Thôn Th, xã C, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L sinh năm 1993

Trú tại: Thôn Th, xã C, huyện C, tỉnh Thanh hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn, tổ chức lễ cưới vào tháng 10/2018. Đến ngày 02/5/2019 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau. Anh L không lo làm ăn, mãi mê chơi bời, lô đề, cờ bạc, không quan tâm, không tôn

trọng vợ con. Ngày 24/3/2022, chị và con đã về nhà mẹ đẻ để sống. Nay chị thấy tình cảm không còn, cuộc sống không có hạnh phúc chị xin được ly hôn anh L.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Mâu thuẫn xảy ra là do vợ chồng chưa thực sự hiểu nhau, bất đồng về quan điểm. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung Nguyễn Thành Đạt – Sinh ngày 09/10/2019.

Chị H có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh L cũng có nguyện vọng được nuôi con. Anh không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng của chị H, vì chị H không đủ điều kiện nuôi con thì anh nhận nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58 và điều 81, điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 – BLTTDS. Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a và điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 09/10/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H từ 800.000đ đến 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị H và anh L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn L trú tại: Thôn Th, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh không hợp nhau. Anh L không lo làm ăn, ham chơi, lơ đãng, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị làm đơn xin ly hôn, anh L đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung: Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 09/10/2019. Chị H có nguyện vọng được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh L đồng ý để cho chị nuôi con nếu như chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng của chị H, vì chị H không đủ điều kiện nuôi con thì anh nhận nuôi, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh L trình bày, hiện nay anh đang đi học nghề sửa máy khâu vừa học vừa làm tự do thu nhập 3.000.000đ/tháng. Chị H là công nhân may, làm việc ở Công ty TNHH và TM Ngọc Ninh (đóng tại xã Cẩm Bình, C), có thu nhập ổn định từ 5.000.000 đến 6.000.000đ/tháng. Chị H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập thực tế và ổn định của anh L.

Xét nguyện vọng nuôi con của anh và chị là chính đáng. Nhưng từ khi ly thân con ở với chị H, không nên thay đổi tình trạng này. Cháu Nguyễn Thành Đạt chưa đến 07 tuổi nên Tòa án không thể hỏi nguyện vọng của cháu xem muốn ở với ai. Cháu Đạt sinh ngày 09/10/2019, tính đến ngày xét xử cháu Đạt là dưới 36 tháng tuổi.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ điều kiện của chị H, thu nhập của anh L và nhu cầu thiết yếu của con, giao cháu Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp.

[5] Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H và anh L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 116 và Điều 117 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5, điểm a và điểm đ khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 09/10/2019. Giao cháu Đạt cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi thành niên. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.000.000đ/tháng đến khi con đủ tuổi thành niên, theo định kỳ hàng tháng, thời gian thi hành kể khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010320, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí DSST. Anh L phải chịu 300.000đ án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Cẩm thủy.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện Cẩm thủy.
- UBND xã C
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Vũ Thị Ánh Tuyết

